TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST Ngày: 30-3-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông
Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 12/7/1992 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

CCCD số: 066192014468, cấp ngày 07/9/2023.

Địa chỉ: Tổ Dân Phố A, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Lương Minh Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

CCCD số: 094088002367.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Lương Minh Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2013 tại Ủy ban Nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã V, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay chị nhận thấy vợ chồng không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng muốn trả tự do cho nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Ngọc Mỹ D, sinh ngày 16/8/2013, hiện con đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Bị đơn anh Lương Minh Đ vắng mặt, không có lời trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Minh Đ vắng mặt không lý do, phiên toà đã mở lần hai, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 21/2014 (Quyển số 01/2014) ngày 03/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã V, thành phố Cần Thơ) thể hiện, chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Lương Minh Đ có đăng ký kết hôn với nhau, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Theo nguyên đơn chị L trình bày quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên muốn trả tự do cho nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Toà án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh Đ không tham gia nên không hoà giải được, anh Đ biết được thông tin chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng không phản hồi ý kiến cho Toà án. Điều này chứng tỏ anh Đ không có nguyện vọng được hàn gắn với chị L. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc chị L phải tiếp tục chung sống với anh Đ nếu như chị không còn tình cảm và thực tế hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau là vi phạm tình nghĩa vợ chồng được luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị L trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lương Ngọc Mỹ D, sinh ngày 16/8/2013, hiện con đang sống cùng mẹ. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không phản hồi ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con. Xét thấy, chị L và anh Đ không thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp

nuôi dưỡng con chung, cháu D (giới tính Nữ) hiện đang sống ổn định cùng mẹ là chị L và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*". Từ quy định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung là cháu D cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên). Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị L đã nộp xong án phí.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với anh Lương Minh Đ.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thanh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Ngọc Mỹ D, sinh ngày 16/8/2013 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lương Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh L có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000896 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã V, TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp